

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

Bản án số: 71/2021/DS-ST.

Ngày: 21-12-2021.

V/v tranh chấp dân sự về
hợp đồng vay tài sản và hui.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Công Khanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Quang Thanh

2. Ông Trần Văn Hải

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Bùi Thị Tuyết Nga, thư ký Tòa án.

Trong ngày 21 tháng 12 năm 2021, tại Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 274/2021/TLST-DS, ngày 28 tháng 4 năm 2021, về việc “*Tranh chấp về dân sự hợp đồng vay tài sản và hui*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 297A/2021/QĐST-DS, ngày 29 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Nguyễn Văn L, sinh năm 1957;

Lương Thị T, sinh năm 1973;

Cùng địa chỉ: Đường Vành Đai, tổ 18, ấp Hòa Khánh, xã Hòa An, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông L, bà T: Bà Ngô Thị Kim X, sinh năm 1960; Địa chỉ: Số 33 – 35, đường Lê Văn Tám, tổ 34, khóm 3, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (văn bản ủy quyền ngày 10/12/2020).

- *Bị đơn:* Giang Văn P, sinh năm 1960;

Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1966;

HKTT: Tổ 66, phường 2, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ hiện nay: Nhà không số, đường Văn Tấn Bảy, tổ 38, khóm 4, Phường 6, TPCL, ĐT

Bà Ngô Thị Kim X có mặt; ông Giang Văn P và bà Nguyễn Thị Kim L vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn trình bày:*

Nguyễn Văn L và bà Lương Thị T cho ông Giang Văn P và bà Nguyễn Thị Kim L vay tiền như sau:

- *Lần thứ nhất:* Vay số tiền 20.000.000 đồng vào ngày 30/10/2019, thời hạn vay 1 tháng, mức lãi suất 1%/tháng, có biên nhận. Sau 1 tháng thì hai bên có thỏa

thuận miệng vay thêm 5 tháng. Ông P và bà L có đóng tiền lãi cho ông L, bà T được 6 tháng số tiền lãi 1.200.000 đồng thì ngưng đóng lãi từ ngày 30/3/2020 cho đến ngày 18/02/2021 là 10 tháng. Ông P và bà L không trả tiền vốn. Nay yêu cầu tính tiền lãi theo mức lãi suất quá hạn là 1,2%/tháng như sau: 20.000.000 đồng x 10 tháng x 1% = 2.000.000 đồng

- *Lần thứ hai:* Vay số tiền 100.000.000 đồng vào ngày 01/11/2019, thời hạn vay 2 tháng, mức lãi suất 1%/tháng, có biên nhận. Sau 2 tháng thì có thỏa thuận miệng vay thêm 3 tháng. Ông P và bà L có đóng tiền lãi cho ông L, bà T được 5 tháng số tiền lãi 5.000.000 đồng thì ngưng đóng lãi từ ngày 15/5/2020 cho đến ngày 15/02/2021 là 9 tháng. Ông P và bà L không trả tiền vốn. Nay yêu cầu tính tiền lãi số tiền 100.000.000 đồng theo mức lãi suất quá hạn là 1%/tháng như sau: 100.000.000 đồng x 9 tháng x 1% = 9.000.000 đồng.

- *Lần thứ ba:* Vay số tiền 299.490.000.000 đồng vào ngày 01/11/2019, thời hạn vay 2 tháng, mức lãi suất 1%/tháng, có biên nhận. Sau 1 tháng thì có thỏa thuận miệng vay thêm 3 tháng. Ông P và bà L có đóng tiền lãi cho ông L, bà T được 5 tháng số tiền lãi 14.974.500 đồng thì ngưng đóng lãi từ ngày 01/5/2020 cho đến ngày 01/02/2021 là 09 tháng, ông P và bà L không trả tiền vốn. Nay yêu cầu tính tiền lãi số tiền 299.490.000 đồng theo mức lãi suất quá hạn là 1%/tháng như sau: 299.490.000 đồng x 9 tháng x 1% = 26.954.000 đồng.

- *Lần thứ tư:* Vay số tiền 50.000.000 đồng vào ngày 30/11/2019, thời hạn vay 6 tháng, mức lãi suất 1%/tháng, có biên nhận. Sau 1 tháng thì có thỏa thuận miệng vay thêm 3 tháng. Ông P và bà L có đóng tiền lãi cho ông L và bà T được 4 tháng số tiền lãi 2.000.000 đồng thì ngưng đóng lãi từ 30/4/2020 cho đến nay 15/02/2021. Nay yêu cầu tính tiền lãi số tiền 50.000.000 đồng theo mức lãi suất quá hạn là 1%/tháng như sau: 50.000.000 đồng x 8 tháng x 1% = 4.000.000 đồng.

Tổng cộng các khoản tiền vốn 469.490.000 đồng. Tổng cộng tiền lãi 41.954.000 đồng và tính lãi tiếp theo mức lãi suất 1,2%/tháng cho đến khi trả xong nợ. Bà L và ông P sử dụng tiền vào mục đích chung gia đình, sửa chữa nhà nên bà L và ông P cùng L đối trả nợ.

Ông Nguyễn Văn L và Lương Thị T chơi hụi do bà Nguyễn Thị Kim L làm chủ hụi như sau:

* Dây hụi 2.000.000 đồng:

Hụi tháng 2.000.000 đồng, khai ngày 25/10/2018, đến ngày 25/1/2020 là mãn hụi, mỗi tháng khai 1 lần, ông L, bà T chơi 2 dây hụi, một dây hụi 5 phần, 1 dây hụi 7 phần, ngày 25/8/2019 bà L chuyển 1 phần của dây 7 phần sang dây 5 phần, nên dây 1 thành 6 phần.

Dây 1:

Ngày 25/8/2019, ông L, bà T hốt hụi sau khi trừ huê hồng, ông L, bà T hốt 19.000.000 đồng, nhận đủ 19.000.000 đồng. Có đóng hụi chết đầy đủ.

Ngày 30/10/2019, ông L, bà T hốt hụi sau khi trừ huê hồng, hốt 19.000.000 đồng, bà L, ông P chỉ giao cho 9.000.000 đồng. Còn nợ lại số tiền 10.000.000 đồng.

Ngày 30/11/2019, ông L, bà T hốt hụi sau khi trừ huê hồng, hốt 19.000.000 đồng, nhận đủ 19.000.000 đồng. Có đóng hụi chết đầy đủ.

Ngày 30/12/2019, ông L, bà T hốt hụi sau khi trừ huê hồng, hốt 19.000.000 đồng, nhận đủ 19.000.000 đồng. Có đóng hụi chết đầy đủ.

Ngày 30/01/2020, ông L, bà T hốt hụi sau khi trừ huê hồng, hốt 19.000.000 đồng, bà L, ông P chưa giao tiền hụi cho tôi.

Ngày 25/02/2020, tôi hốt hụi sau khi trừ huê hồng, tôi hốt 19.000.000 đồng, bà L, ông P chưa giao tiền hụi.

Dây hụi này bà L, ông P còn thiếu tiền hụi chưa giao cho tôi số tiền 48.000.000 đồng.

Dây 2:

Ngày 25/7/2019, ông L, bà T hốt hụi sau khi trừ huê hồng, hốt 17.000.000 đồng, nhận đủ 17.000.000 đồng. Có đóng hụi chết đầy đủ.

Ngày 30/10/2019, ông L, bà T hốt hụi sau khi trừ huê hồng, hốt 19.000.000 đồng, bà L, ông P chỉ giao cho 9.000.000 đồng. Bà L nợ lại số tiền 10.000.000 đồng.

Ngày 30/11/2019, ông L, bà T hốt hụi sau khi trừ huê hồng, hốt 19.000.000 đồng, tôi nhận đủ 19.000.000 đồng. Có đóng hụi chết đầy đủ.

Ngày 30/12/2019, ông L, bà T hốt hụi sau khi trừ huê hồng, hốt 19.000.000 đồng, nhận đủ 19.000.000 đồng. Có đóng hụi chết đầy đủ.

Ngày 30/01/2020, ông L, bà T hốt hụi sau khi trừ huê hồng, hốt 19.000.000 đồng, bà L ông P chưa giao tiền hụi.

Ngày 25/02/2020, ông L, bà T hốt hụi sau khi trừ huê hồng, hốt 19.000.000 đồng, bà L ông P chưa giao tiền hụi cho tôi.

Dây hụi này bà L, ông P còn thiếu tiền hụi chưa giao cho tôi số tiền 48.000.000 đồng.

Tổng cộng 2 dây hụi thiếu tôi 96.000.000 đồng, Bà L có làm biên nhận tiền nợ hụi cho tôi.

* Dây hụi 1.000.000 đồng (hụi nửa tháng) khai ngày 30/6/2019:

a) Dây 1:

Ngày 15/5/2019, ông L, bà T hốt hụi sau khi trừ huê hồng, hốt 18.170.000 đồng, nhận đủ 18.170.000 đồng. Có đóng hụi chết đầy đủ.

Ngày 30/5/2019, ông L, bà T hốt hụi sau khi trừ huê hồng, hốt 18.170.000 đồng, nhận đủ 18.170.000 đồng. Có đóng hụi chết đầy đủ.

Ngày 15/6/2019, ông L, bà T hốt hụi sau khi trừ huê hồng, hốt 20.000.000 đồng, nhận đủ 20.000.000 đồng. Có đóng hụi chết đầy đủ.

Ngày 30/6/2019, ông L, bà T hốt hụi sau khi trừ huê hồng, hốt 20.500.000 đồng nhưng không giao tiền hụi cho ông L, bà T mà bà L có làm biên nhận nợ hụi.

Ngày 15/7/2019, ông L, bà T hốt hụi sau khi trừ huê hồng, hốt hụi 20.500.000 đồng nhưng bà L, ông P chưa giao tiền hụi mà bà L có làm biên nhận nợ hụi.

Dây hụi này bà L, ông P còn thiếu tiền hụi chưa giao số tiền 41.000.000 đồng.

a) Dây 2:

Ngày 15/5/2019, ông L, bà T hốt hụi sau khi trừ huê hồng, hốt 18.170.000 đồng, nhận đủ 18.170.000 đồng. Có đóng hụi chết đầy đủ.

Ngày 30/5/2019, ông L, bà T hốt hụi sau khi trừ huê hồng, hốt 20.500.000 đồng, nhận đủ 20.500.000 đồng. Có đóng hụi chết đầy đủ.

Ngày 15/6/2019, ông L, bà T hốt hụi sau khi trừ huê hồng, hốt 20.000.000 đồng, nhận đủ 20.000.000 đồng. Có đóng hụi chết đầy đủ.

Ngày 30/6/2019, ông L, bà T hốt hụi sau khi trừ huê hồng, hốt 20.500.000 đồng nhưng không giao tiền hụi mà bà L có làm biên nhận nợ hụi.

Ngày 15/7/2019, ông L, bà T hốt hụi sau khi trừ huê hồng, hốt hụi 20.500.000 đồng nhưng bà L, ông Phước chưa giao tiền hụi mà bà L có làm biên nhận nợ hụi.

Dây hụi này bà L, ông P còn thiếu tiền hụi chưa giao số tiền 41.000.000 đồng.

Tổng cộng: thiếu nợ tôi 2 dây hụi 1.000.000 đồng số tiền 82.000.000 đồng.

* Dây hụi 2.000.000 đồng (hụi nửa tháng):

Hụi nửa tháng 2.000.000 đồng, khai ngày 01/3/2019, đến ngày 30/03/2020 là mãn hụi, mỗi tháng khai 2 lần vào ngày 15 và 30 hàng tháng, có 24 phần hụi tham gia, tôi tham gia 4 phần. Ông L, bà T đã hốt 4 phần hụi vào các tháng 7, 10, 11, 12 của năm 2019 và tháng 1 năm 2020, tôi hốt hụi:

Hốt lần 1 : 39.000.000 đồng ngày 30/1/2020, (đã trừ huê hồng)

Hốt lần 2 : 39.000.000 đồng, ngày 15/2, (đã trừ huê hồng), bà L chỉ giao 20.000.000 đồng, nợ lại số tiền 19.000.000 đồng;

Hốt lần 3: 39.000.000 đồng, ngày 29/2/ 2020, (đã trừ huê hồng), chị L chỉ giao 10.680.000 đồng, nợ lại số tiền 28.320.000 đồng;

Hốt lần 4: 39.000.000 đồng, ngày 15/3/2020 (đã trừ huê hồng), giao 6.560.000 đồng, còn nợ lại 32.440.000 đồng.

Tổng cộng bà L và ông P nợ tiền hụi 79.760.000 đồng

Có biên nhận.

* Dây hụi 1.000.000 đồng khai ngày 10/7/2019 (Hụi ngày):

Khai 1 tháng 3 lần : 10 – 20 – 30 hàng tháng. Hụi có 2 dây, mỗi dây có 20 hụi viên, ông L, bà T chơi mỗi dây 5 phần:

Dây 1:

Ngày 10/01/2020, hốt hụi 14.500.000 đồng (đã trừ huê hồng), ông L, bà T đã nhận tiền đủ, có đóng hụi chết đầy đủ;

Ngày 20/01/2020, hốt hụi 14.500.000 đồng (đã trừ huê hồng), ông L, bà T đã nhận tiền đủ, có đóng hụi chết đầy đủ;

Ngày 30/01/2020, hốt hụi 14.500.000 đồng (đã trừ huê hồng), tôi đã nhận tiền đủ, có đóng hụi chết đầy đủ;

Ngày 12/02/2020, hốt hụi 14.500.000 đồng (đã trừ huê hồng), đã nhận tiền 10.000.000 đồng, bà L còn nợ ông L, bà T 4.500.000 đồng;

Ngày 20/12/2020, hốt hụi 14.500.000 đồng (đã trừ huê hồng), đã nhận tiền 9.500.000 đồng, bà L còn thiếu lại 5.000.000 đồng;

Dây hụi này bà L thiếu tiền hụi số tiền 9.500.000 đồng.

Dây 2:

Ngày 10/01/2020, hốt hụi 14.500.000 đồng (đã trừ huê hồng), đã nhận tiền đủ, có đóng hụi chết đầy đủ;

Ngày 20/01/2020, hốt hụi 14.500.000 đồng (đã trừ huê hồng), đã nhận tiền đủ, có đóng hụi chết đầy đủ;

Ngày 30/01/2020, hốt hụi 14.500.000 đồng (đã trừ huê hồng), đã nhận tiền đủ, có đóng hụi chết đầy đủ;

Ngày 12/02/2020, hốt hụi 14.500.000 đồng (đã trừ huê hồng), đã nhận tiền 10.000.000 đồng, bà L còn nợ 4.500.000 đồng;

Ngày 20/12/2020, hốt hụi 14.500.000 đồng (đã trừ huê hồng), đã nhận tiền 9.500.000 đồng, còn thiếu lại 5.000.000 đồng;

Dây hụi này thiếu ông L, bà T 9.500.000 đồng.

Tổng cộng 2 dây hụi bà L ông P thiếu tôi số tiền 19.000.000 đồng.

* Dây hụi ngày 01/3/2019 (hụi tháng):

Hụi ngày 3.000.000 đồng, khai ngày 1/3/2019, đến ngày 25/01/2020 là mãn hụi, mỗi tháng khai 1 lần, có 21 phần hụi tham gia, tôi tham gia 02 phần. Ông L, bà T đã đóng hụi sống cho bà L, ông P đầy đủ, số tiền hụi đóng là 48.400.000 đồng, Bà L ngưng hụi từ 1/4/2020, nên bà L còn nợ lại số tiền 48.400.000 đồng, có ghi biên nhận.

Tổng cộng 7 dây hụi còn nợ lại ông L và bà T: 96.000.000 đồng + 82.000.000 đồng + 79.760.000 đồng + 19.000.000 đồng + 48.400.000 đồng = 325.160.000 đồng.

Tính từ ngày 15/7/2020 đến nay ngày 15/02/2021 là 7 tháng, bà L phải trả tiền lãi số tiền nợ hụi theo mức lãi suất quá hạn 1%/tháng là 22.103.000 đồng. Do các tiền hụi bà L và ông P sử dụng vào mục đích chung gia đình, sửa chữa nhà nên bà L và ông P cùng chung trách nhiệm trả tiền cho ông L và bà T tiền hụi 325.160.000 đồng, tiền lãi suất tiền hụi: 22.103.000 đồng và tính lãi tiếp theo mức lãi suất 1,2%/tháng cho đến khi trả xong nợ.

Tại biên bản làm việc ngày 28 tháng 10 năm 2021, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả:

1. Tiền vay:

- Số tiền vay 20.000.000 đồng vào ngày 30/10/2019. Nay yêu cầu trả vốn 20.000.000 đồng. Tính lãi 0,83%/tháng, thời gian từ tháng 3/2020 đến 30/9/2021 là 18 tháng, thành tiền 2.988.000 đồng.

- Số tiền vay 100.000.000 đồng vào ngày 01/11/2019. Nay yêu cầu trả vốn 100.000.000 đồng. Tính lãi 0,83%/tháng, thời gian từ tháng 5/2020 đến 9/2021 là 16 tháng, thành tiền 13.280.000 đồng.

- Số tiền vay số tiền 299.490.000.000 đồng vào ngày 01/11/2019. Nay yêu cầu trả vốn 299.490.000 đồng. Tính lãi 0,83%/tháng, thời gian từ tháng 5/2020 đến 30/9/2021 là 17 tháng, thành tiền 42.258.000 đồng.

- Số tiền vay số tiền 50.000.000 đồng vào ngày 30/11/2019. Nay yêu cầu trả vốn 50.000.000 đồng. Tính lãi 0,83%/tháng, thời gian từ tháng 4/2020 đến 30/9/2021 là 17 tháng, thành tiền 7.055.000 đồng.

Tổng cộng các khoản tiền vay 469.490.000 đồng. Yêu cầu trả tiền vốn 469.490.000 đồng và lãi 65.581.000 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn không yêu cầu tính lãi tiếp.

2. Tiền hui:

. Hui tháng 2.000.000 đồng, khai ngày 25/10/2018. Nay yêu cầu trả vốn 96.000.000 đồng.

. Hui 1.000.000 đồng (hui nửa tháng) khai ngày 30/6/2019. Nay yêu cầu trả vốn 54.000.000 đồng.

. Hui nửa tháng 2.000.000 đồng, khai ngày 01/3/2019. Nay yêu cầu trả vốn 79.760.000 đồng.

. Hui 1.000.000 đồng khai ngày 10/7/2019 (hui 10 ngày). Nay yêu cầu trả vốn 19.000.000 đồng.

. Hui tháng 3.000.000 đồng, khai ngày 01/3/2019. Nay yêu cầu trả vốn 48.400.000 đồng.

Tổng cộng nợ hui còn nợ 297.160.000 đồng.

Yêu cầu trả tiền vốn 297.160.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

- *Đối với ông Giang Văn P và bà Nguyễn Thị Kim L:* Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng đến nay ông P, bà L không có văn bản ý kiến nộp (gửi) cho Tòa án, không có mặt tại phiên họp, hòa giải và tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, các đương sự không xuất trình tài liệu, chứng cứ mới cho Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Do ông Giang Văn P và bà Nguyễn Thị Kim L vắng mặt lần thứ hai không lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông P, bà L.

[2] Về thẩm quyền: Theo đơn khởi kiện của Nguyễn Văn L, bà Lương Thị T. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TPCL, ĐT

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn.

Tại biên bản làm việc ngày 28 tháng 10 năm 2021, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả:

1. Tiền vay:

- Số tiền vay 20.000.000 đồng vào ngày 30/10/2019. Nay yêu cầu trả vốn 20.000.000 đồng. Tính lãi 0,83%/tháng, thời gian từ tháng 3/2020 đến 30/9/2021 là 18 tháng, thành tiền 2.988.000 đồng.

- Số tiền vay 100.000.000 đồng vào ngày 01/11/2019. Nay yêu cầu trả vốn 100.000.000 đồng. Tính lãi 0,83%/tháng, thời gian từ tháng 5/2020 đến 9/2021 là 16 tháng, thành tiền 13.280.000 đồng.

- Số tiền vay số tiền 299.490.000.000 đồng vào ngày 01/11/2019. Nay yêu cầu trả vốn 299.490.000 đồng. Tính lãi 0,83%/tháng, thời gian từ tháng 5/2020 đến 30/9/2021 là 17 tháng, thành tiền 42.258.000 đồng.

- Số tiền vay số tiền 50.000.000 đồng vào ngày 30/11/2019. Nay yêu cầu trả vốn 50.000.000 đồng. Tính lãi 0,83%/tháng, thời gian từ tháng 4/2020 đến 30/9/2021 là 17 tháng, thành tiền 7.055.000 đồng.

Tổng cộng các khoản tiền vay 469.490.000 đồng. Yêu cầu bà L và ông P L đòi trả tiền vốn 469.490.000 đồng và lãi 65.581.000 đồng. Tổng cộng 535.071.000 đồng, không yêu cầu tính lãi tiếp.

Đối với ông Giang Văn P và bà Nguyễn Thị Kim L: Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp, hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng đến nay ông P, bà L không có văn bản ý kiến nộp (gửi) cho Tòa án, không phản đối yêu cầu của nguyên đơn, thể hiện ông P, bà L từ bỏ quyền và lợi ích của mình. Các biên nhận nợ do bà L, ông P ký tên, do đó, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà L và ông P L đòi chịu trách nhiệm trả cho ông L, bà T tiền vay vốn 469.490.000 đồng và lãi 65.581.000 đồng.

Nguyên đơn không yêu cầu tính tiếp, nên không xem xét.

2. Tiền hui:

. Hui tháng 2.000.000 đồng, khai ngày 25/10/2018. Nay yêu cầu trả vốn 96.000.000 đồng.

. Hui 1.000.000 đồng (hui nửa tháng) khai ngày 30/6/2019. Nay yêu cầu trả vốn 54.000.000 đồng.

. Hui nửa tháng 2.000.000 đồng, khai ngày 01/3/2019. Nay yêu cầu trả vốn 79.760.000 đồng.

. Hui 1.000.000 đồng khai ngày 10/7/2019 (hui 10 ngày). Nay yêu cầu trả vốn 19.000.000 đồng.

. Hui tháng 3.000.000 đồng, khai ngày 01/3/2019. Nay yêu cầu trả vốn 48.400.000 đồng.

Tổng cộng nợ hui còn nợ 297.160.000 đồng.

Yêu cầu bà L và ông P L đòi trả 297.160.000 đồng.

Đối với ông Giang Văn P và bà Nguyễn Thị Kim L: Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp, hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng đến nay ông P, bà L không có văn bản ý kiến nộp (gửi) cho Tòa án, không phản đối yêu cầu của nguyên đơn, thể hiện ông P, bà L từ bỏ quyền và lợi ích của mình.

Xét thấy, việc chơi hui do bà L làm chủ hui, thể hiện các giấy nợ hui do bà L ký tên, ông P không ký tên, nguyên đơn không chứng minh được ông P có sử dụng tiền hui của nguyên đơn. Do đó, chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên

đơn, buộc bà L chịu trách nhiệm trả cho ông L, bà T tiền vốn 297.160.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu ông P L đới cùng bà L trả nợ hụi.

Về tiền hụi nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất, nên không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Kim L và ông Giang Văn P L đới chịu án phí dân sự sơ thẩm (đối với khoản tiền 535.071.000 đồng) số tiền 25.403.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Kim L chịu án phí dân sự sơ thẩm (đối với khoản tiền 297.160.000 đồng) số tiền 14.858.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn L và bà Lương Thị T yêu cầu ông P L đới trả tiền hụi không được chấp nhận nên L đới chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, khoản 1 Điều 147 và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 466, Điều 468, Điều 471 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn L và bà Lương Thị T yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim L và ông Giang Văn P, L đới trả tiền vay vay 469.490.000 đồng và lãi 65.581.000 đồng, tổng cộng 535.071.000 đồng.

- Buộc bà Nguyễn Thị Kim L và ông Giang Văn P L đới chịu trách nhiệm trả cho ông L, bà T tiền vay 469.490.000 đồng và tiền lãi 65.581.000 đồng, tổng cộng 535.071.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Nguyễn Văn L và bà Lương Thị T yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim L trả tiền hụi số tiền 297.160.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu của ông L, bà T yêu cầu ông Giang Văn P L đới cùng bà L trả nợ hụi.

- Buộc bà Nguyễn Thị Kim L chịu trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn L và bà Lương Thị T tiền hụi số tiền 297.160.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số

tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Kim L và ông Giang Văn P L đối chịu án phí dân sự sơ thẩm (đối với khoản tiền 535.071.000 đồng) số tiền 25.403.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Kim L chịu án phí dân sự sơ thẩm (đối với khoản tiền 297.160.000 đồng) số tiền 14.858.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn L và bà Lương Thị T L đối chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000 đồng. Tiền án phí trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 19.046.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0015411, ngày 26/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự TP Cao Lãnh. Ông L, bà T được nhận lại tiền chênh lệch 18.746.000 đồng.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Chi Cục THA DS TP Cao Lãnh;
- Viện kiểm sát ND TP Cao Lãnh;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Công Khanh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Công Khanh